

Số: 22/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 1300/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 148/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 71/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - HĐND.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn nguồn ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn phải thực hiện theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn quy định tại Quy định này.

3. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thị xã, thành phố; trọng tâm là các huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa

bản tỉnh Gia Lai, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số, hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

2. Các tiêu chí, hệ số được xây dựng có tính tương đối, hài hòa, phù hợp với thực tế tại địa phương. Trường hợp huyện, thị xã, thành phố đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và việc phân bổ vốn phải theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) cho huyện nghèo thực hiện Dự án.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

* Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện nghèo.

Quy mô dân số	Hệ số
Dưới 10.000 hộ	0,15
Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17
Từ 15.000 hộ trở lên	0,2

* Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện nghèo.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 45%	0,3
Từ 45% đến dưới 50%	0,33
Từ 50% đến dưới 55%	0,37

Từ 55% đến dưới 60%	0,41
Từ 60% đến dưới 65%	0,46
Từ 65% trở lên	0,5

* Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo.

Đặc điểm địa lý	Hệ số
Huyện có xã biên giới	0,14
Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12
Huyện không có xã biên giới; huyện không thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,10

* Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện nghèo.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	0,1
Từ 10 đến dưới 20 đơn vị hành chính	0,12
Từ 20 đơn vị hành chính trở lên	0,14

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

- Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức: $A_i = Q.X_i$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho huyện nghèo thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện nghèo thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện nghèo được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1.

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

Điều 7. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Dự án cho cấp huyện thực hiện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

* Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

* Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

* Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

* Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
Từ 18 đơn vị hành chính trở lên	1,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của thứ i theo công thức: $Y_i = 0,12.HN_i \times 2,5 + ĐV_i$.

HN_i là số huyện nghèo của tỉnh.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiêu dự án cho cấp huyện thực hiện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

* Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

* Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45

Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

* Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn.

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

* Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
Từ 18 đơn vị hành chính trở lên	1,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$\mathbf{Đ}_i = \mathbf{Q} \cdot \mathbf{X}_i \cdot \mathbf{Y}_i$$

Trong đó:

$\mathbf{Đ}_i$ là vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thứ i .

\mathbf{X}_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

\mathbf{Y}_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i theo công thức: $\mathbf{Y}_i = 0,12 \cdot \mathbf{HN}_i \times 2,5 + \mathbf{ĐV}_i$.

\mathbf{HN}_i là số huyện nghèo của tỉnh.

$\mathbf{ĐV}_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i .

\mathbf{Q} là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$\mathbf{Q} = \frac{\mathbf{G}}{\sum_{i=1}^n \mathbf{X}_i \cdot \mathbf{Y}_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án: tối đa 10% cho Sở Y tế và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; tối thiểu 90% cho cấp huyện thực hiện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

* Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn.

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

* Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
Từ 18 đơn vị hành chính trở lên	1,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

* Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	Hệ số
Trên 25%	1,6
Từ 20% đến 25%	1,4
Từ 15% đến dưới 20%	1,2
Dưới 15%	1

(Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi để tính hệ số theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế công bố)

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện thứ i .
 Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,12.HN_i \times 3 + ĐV_i$.

HN_i là số huyện nghèo của tỉnh.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i.DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) để phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 9. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

a) Đối với vốn đầu tư phát triển.

Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án để đầu tư cho tỉnh.

b) Đối với vốn sự nghiệp.

- Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện.

- Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án cho cấp huyện để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thực hiện.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

+ Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

+ Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

+ Tiêu chí 3: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Hệ số
Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Đối với địa phương không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập giao UBND huyện tổ chức, triển khai thực hiện)	0,1
Mỗi một trường cao đẳng	0,3

(Số trường Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tính hệ số căn cứ vào số lượng thực tế tính đến năm 2021 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh thống kê và công bố)

+ Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện.

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn	Hệ số
Dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,6
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

(Số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện để tính hệ số căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2021 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh).

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn sự nghiệp (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện được tính theo công thức: $l_i = Q.X_i$

Trong đó:

l_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cấp huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i).$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .
 TR_i là tổng hệ số tiêu chí số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của cấp huyện thứ i được tính theo công thức:

$$TR_i = 0,1 \times TT_i$$

TT_i là số trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập của cấp huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

- Phân bổ Tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án cho cấp huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn:

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8

Từ 7.000 hộ trở lên	0,9
---------------------	-----

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn.

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
Từ 18 đơn vị hành chính trở lên	1,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

- Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện.

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn	Hệ số
Dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 người/năm đến dưới 1000 người/năm	0,6
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,7

(Số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện để tính hệ số căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2021 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh)

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cấp huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,12 \cdot HN_i + DV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

HN_i là số huyện nghèo của tỉnh.

DV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa

bàn cấp huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án: tối đa 18% cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; tối thiểu 82% cho cấp huyện thực hiện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn:

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó: L_i là ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của cấp huyện thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i$

HN_i là số huyện nghèo của tỉnh.

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) để phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.

a) Đối với vốn đầu tư phát triển.

Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án để đầu tư cho tỉnh.

b) Đối với vốn sự nghiệp.

Phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án tối đa 10% cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; tối thiểu 90% cho cấp huyện thực hiện.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5

Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện.

Tỉnh có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn	Hệ số
Dưới 30.000 người	1
Từ 30.000 đến dưới 60.000 người	1,3
Từ 60.000 đến dưới 90.000 người	1,5
Từ 90.000 đến dưới 120.000 người	1,9
Từ 120.000 đến dưới 150.000 người	2,2
Từ 150.000 người trở lên	2,5

(Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ số liệu công bố năm 2021 của Cục Thống kê tỉnh)

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) để phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 10. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

1. Vốn sự nghiệp (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Định mức hỗ trợ:

a) Đối với nhà xây dựng mới:

+ Ngân sách trung ương: 40 triệu đồng/01 hộ.

b) Đối với trường hợp sửa chữa nhà:

+ Ngân sách trung ương: 20 triệu đồng/01 hộ.

Điều 11. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin.

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án: 100% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45

Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn.

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
Từ 18 đơn vị hành chính trở lên	1,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i + ĐV_i$.

HN_i là số huyện nghèo của tỉnh.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G-D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của cấp huyện.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án: tối đa 35% cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; tối thiểu 65% cho cấp huyện thực hiện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn.

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
Từ 18 đơn vị hành chính trở lên	1,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo của tỉnh.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6.

Điều 12. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) của Tiểu dự án: tối đa 25% cho các đơn vị là thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; tối thiểu 75% cho cấp huyện thực hiện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn.

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
Từ 30% đến dưới 40%	0,8
Từ 40% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn.

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Mỗi một huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
Từ 18 đơn vị hành chính trở lên	1,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2020 do Cục Thống kê tỉnh công bố)

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i quy định theo công thức: $Y_i = 0,12.HN_i + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo của tỉnh.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng từ ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Dự án 7./.